TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HUỆ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29-8-2019
V/v "ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vụ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Rê.
2. Ông Tạ Hồng Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Huệ.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019 về việc "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị S - Sinh năm 1991 - Địa chỉ: ấp 6, xã Mỹ Quý T, huyện C, tỉnh Long An. (Vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoàng Ng - Sinh năm 1987 - Địa chỉ: ấp 6, xã Mỹ Quý T, huyện C, tỉnh Long An.(Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đức Huệ. Người đại diện hợp pháp là ông Ngô Văn Liêm - Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch huyện Đức Huệ theo Quyết định số 1792/QĐ – NHCS của Tổng giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/2/2019 các văn bản tiếp theo bà Trần Thị S trình bày và yêu cầu: Bà và ông Nguyễn Hoàng Ng cưới nhau tháng 9 năm 2007 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Quý Tây ngày 16/3/2010. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến tháng 8 năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cải vã nhau, ngoài ra ông Ng không có trách nhiệm với gia đình chỉ biết lo cho bản thân không quan tâm chăm sóc cho vợ con. Năm 2014 bà đã từng yêu cầu ly hôn nhưng vì ông Ng hứa sửa đổi bà đã rút yêu cầu khởi kiện đoàn tụ lại gia đình nhưng ông Ng vẫn không thay đổi nên gia đình ngày càng mâu thuẫn không thể hàn gắn. Bà và ông Ng đã ly thân từ tháng 12 năm 2018 cho đến nay.

- Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hoàng Ng.

- Về nuôi con chung: Bà và ông Ng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Kim Ngân, sinh ngày 05/12/2008 (hiện đang sống với bà S). Khi ly hôn bà S yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông Ng cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đức Huệ 30.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi là 81.370 đồng khi ly hôn bà yêu cầu chia đơi nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 19/3/2019, bị đơn là ông Nguyễn Hoàng Ng trình bày: Ông thống nhất trình bày của bà S về ngày tháng năm, điều kiện kết hôn, về con chung, việc ông và bà S đã ly thân.Về nguyên nhân mâu thuẫn ông Ng cho rằng vợ chồng sống chung hạnh phúc đến tháng 01 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống nên dẫn đến mất hạnh phúc.

Về hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Son mà yêu cầu đoàn tụ vì còn thương vợ con.

Về nuôi con chung: Ông và bà S có 01 con chung tên Nguyễn Thị Kim Ng, sinh ngày 05/12/2008 (hiện đang sống với bà S) nếu như phải ly hôn ông đồng ý tùy theo nguyện vọng của con chung, nếu con chung muốn sống với ai thì người đó nuôi, người còn không cấp dưỡng nuôi con chung.

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/4/2019 các văn bản tiếp theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đức Huệ do ông Ngô Văn Liêm trình bày và yêu cầu: Ngày 05/3/2019 Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đức Huệ sau quá trình thỏa thuận đã ký Hợp đồng tín dụng số 6600000714507940 cho ông Nguyễn Hoàng Ng vay số tiến 30.000.000 đồng, chương trình vay hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn, lãi suất cho vay là 9%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 11.70%/năm hạn trả cuối cùng ngày 05/3/2024

nhưng hiện nay ông Ng và bà S ly hôn. Tính đến ngày 16/4/2019 ông Nguyễn Hoàng Ng còn nợ gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi là 81.370 đồng nhưng sau khi Ngân hàng khởi kiện ngày 24/5/2019 bà Trần Thị S đã trả một phần nợ gốc là 15.000.000 đồng và 140.548 đồng tiền lãi.

Vậy nên Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đức Huệ yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Hoàng Ng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đức Huệ số tiền gốc là 15.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ.

Ngày 19/3/2019 bà Trần Thị S; Ngày 22/5/2019 Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đức Huệ có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt; ông Nguyễn Hoàng Ng đã được tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của ông và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trần Thị S khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Hoàng Ng, ông Ng đang cư trú tại ấp 6, xã Mỹ Qúy T, huyện C, tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Bà Trần Thị S và ông Nguyễn Hoàng Ng chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Quý T, huyện C, tỉnh Long An ngày 16/3/2010. Quan hệ hôn nhân giữa bà S và ông Ng là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

[3] Bà Trần Thị S; Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đức Huệ có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của bà S; Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đức Huệ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

[4] Trong thời gian Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn ông Nguyễn Hoàng Ng được tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án, nhưng ông Ng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của bà S theo quy định tại khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, ông Ng không được quyền khiếu nại về việc cung cấp chứng cứ và tham gia phiên tòa vì ông không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông theo quy định pháp luật.

[5] Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Hiện các đương sự tranh chấp nhau về hôn nhân, bà S yêu cầu ly hôn ông Ng yêu cầu đoàn tụ và tranh chấp về nợ chung.

[6] Đồng thời xét yêu cầu ly hôn của bà S và yêu cầu đoàn tụ của ông Ng: Bà S và ông Ng không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh cho trình bày và yêu cầu của bà bà là có căn cứ và hợp pháp. Tuy nhiên xét bà S và ông Ng thống nhất ông bà ly thân từ năm 2018 cho đến nay.

[7] Xét mâu thuẫn giữa bà S và ông Ng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của bà S có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[8] Ngược lại, từ ngày ông Ng bà S sống ly thân năm 2018 cho đến nay ông Ng không có biện pháp hữu hiệu để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến mất hạnh phúc, mỗi người tự lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc nhau, yêu cầu đoàn tụ của ông Ng là không có căn cứ chấp nhận.

[9] Về nuôi con chung: Xét bà S và ông Ng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Kim Ngân, sinh ngày 05/12/2008 (hiện đang sống với bà S). Khi ly hôn bà S yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, ông Ng thống nhất con chung muốn sống với ai thì người đó nuôi, con chung tên Ngân có nguyện vọng sống với bà S nên Hội đồng xét xử chấp nhận để bà S trực tiếp nuôi con chung. Xét việc bà S không yêu cầu ông Ng phải cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện nên ghi nhận.

[10] Xét về tài sản chung: Bà S và ông Ng trình bày không có, không yêu cầu không đề cập giải quyết. Nếu sau này xảy ra tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác là phù hợp.

[11] Xét về nợ chung: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đức Huệ cùng ông Ng thỏa thuận ký Hợp đồng tín dụng số 6600000714507940 cho ông Nguyễn Hoàng Ng vay số tiền 30.000.000 đồng, chương trình vay hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn, lãi suất cho vay là 9%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 11.70%/năm hạn trả cuối cùng ngày 05/3/2024 nhưng hiện nay ông Ng và bà S ly hôn bà S đã trả một phần nợ gốc là 15.000.000 đồng và 140.548 đồng tiền lãi. Việc Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đức Huệ yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Hoàng Ng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đức Huệ số tiền gốc là 15.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ là phù hợp nên chấp nhận.

Do đó, buộc ông Ng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đức Huệ số tiền

15.000.000 đồng tiền gốc và số tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng - là phù hợp quy định tại các Điều 357; 463; 466; 468; 470 Bộ luật dân sự.

[12] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy: Bà S là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn được khấu trừ 300.000 tiền tạm ứng án phí đã nộp, bà S đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Hoàng Ng có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính xã hội huyện Đức Huệ nên phải chịu án phí dân sự bằng 5% số tiền phải thanh toán.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357; 463; 466; 468; 470 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị S đối với ông Nguyễn Hoàng Ng về việc "ly hôn".

Về hôn nhân: Bà Trần Thị S được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng Ng.

Về nuôi con chung: Bà Trần Thị S được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thị Kim Ngân, sinh ngày 05/12/2008 (hiện đang sống với bà Son theo nguyện vọng của con chung), ông Nguyễn Hoàng Ng không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Hoàng Ng được quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Khi cần thiết, vì quyền và lợi ích của con chung, bà S và ông Ng được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu, không đề cập giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

Về nợ chung: Ông Nguyễn Hoàng Ng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đức Huệ số tiền 15.085.068 đồng (mười lăm triệu, không trăm tám mươi lăm nghìn, không trăm sáu mươi tám đồng) trong đó: 15.000.000 đồng tiền gốc và số tiền lãi phát sinh đến ngày 29/8/2019 là 85.068 đồng.

Ông Ng còn phải chịu lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng số 6600000714507940 đã ký kết đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đức Huệ.

Về án phí: Bà Trần Thị S chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (biên lai thu số0004428 ngày 28/2/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ), bà S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Hoàng Ng phải chịu 754.253 đồng (bảy trăm năm mươi bốn nghìn, hai trăm năm mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- Chi cục THADS huyện Đức Huệ;
- Đương sự;
Ủy ban nhân dân xã Mỹ Quý Tây
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Thị Vụ